

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK15+CNV+TD2	7:25	1+1+18	0+0+0		1+1+20	0+0+0	chuyen 2 bk15-cnv
2		PVD1+RC6+RC5	7:25	17+0+0	0+0+0		14+0+8	0+0+0	chuyen 1 rc6-rc5
3		RP3+RP2+PPD	7:25	14+0+1	0+0+0		14+2+6	0+0+0	chuyen 5 RP2-PPD
4		P7+TD3+TD2	9:25	4+0+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
5		P4+P7+P8	9:25	2+10+0	0+0+0		9+10+3	0+0+0	chuyen 3 p4-p7
6		GTC1+P10+TD2	9:25	11+4+2	0+0+0		2+9+11	0+0+0	chuyen 3 p10-td2
7		PVD1+RP1+RP3	11:25	7+5+1	0+0+0		10+3+9	0+0+0	
8		RC4+RC3+MRM	11:25	3+2+13	0+0+0		2+0+13	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 người TD2 về đi RP3, 2 người RP2 về đi RC3, 2 người RC5 về đi RC4, 2 người TD3 về sau đi MRM

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	TO: BK15 - CNV - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Hồi - XTrường - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	BK15				39	95	CODIEN	Vietnamese
2	HOÀNG THÁI LONG	CNV	03-04	2	7		53	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TÍNH	TD2	300,99	2	13	60	70	DMC-MI	Vietnamese
4	VANEEV DMITRIY	TD2	87	1	12		105	KHOAN	Russian
5	DOROSHENKO MAXIM	TD2	83-84	2	17		95	KHOAN	Russian
6	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	79	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	88	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN HUY	TD2	80	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ ANH QUÂN	TD2	76	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THANH GIANG	TD2	96	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	97,98	2	16		62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH ANH	TD2	77	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	LÝ ANH TUÂN	TD2	78	1	6		93	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC HOÀN	TD2	81-82	2	13		88	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	89	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ XUÂN TRƯỜNG	TD2	85-86	2	19		66	KHOAN	Vietnamese
17	MAKAROV EVGENY	TD2	95	1	12		90	ANTOAN	Russian
18	TRẦN KHÁC HỢP	TD2	90	1	13		78	DMC-MI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HÙNG	TD2	93-94	2	16		85	DMC-MI	Vietnamese
20	LÊ NGỌC LUYẾN	TD2	91-92	2	16		67	DMC-MI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	1	0	0	95	39	1	2	CHUYEN 02 PAX BK15 - CNV
2	CNV	1	2	7	53	0	1		
3	TD2	18	25	199	1.410	60	20		
TOTAL		20	27	206	1.558	99	22		
WEIGHT KG				206	1.558	99			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

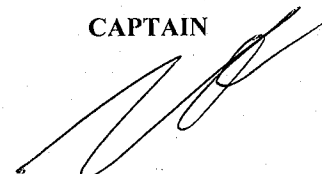
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PVD1 - RC6 - RC5	CREW: LTuấn - VThắng - MQUÂN	ETA: 09:15
CAM-1			

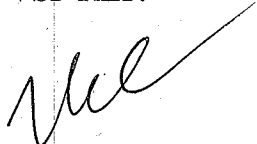
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THOMAS HOGG	PVD1	43-44	2	20		70	PVD DD	British
2	LUƠNG VĂN HOÀNG	PVD1	34	1	5		87	PVD DD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY THAI	PVD1	41	1	9		66	PVD DD	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	PVD1	36	1	10		75	PVD	Vietnamese
5	VÕ TÀ MẬU	PVD1	45	1	14		71	PVD	Vietnamese
6	NGUYỄN DOÀN BẢO TRUNG	PVD1	49	1	10		72	PVD	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NGHĨA	PVD1	48	1	7		58	PVD	Vietnamese
8	VŨ VĂN TRUNG	PVD1	35	1	9		74	PVD	Vietnamese
9	HUYNH TÂN DUYỀN	PVD1	46	1	8		68	PVD	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU TÙNG	PVD1	37	1	4		70	PVD	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CHUNG	PVD1	47	1	5		67	PVD	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC HÙNG	PVD1	39	1	7		78	PVD	Vietnamese
13	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD1	42	1	10		67	PVD	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG THẮNG	PVD1	38	1	11		70	PVD	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU TRI	PVD1	50	1	10		75	PVD	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN ĐẠT	PVD1	51	1	7		60	PVD	Vietnamese
17	PHẠM VĂN DŨNG	PVD1	40	1	8		71	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

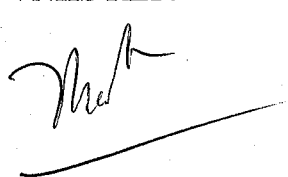
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	17	18	154	1.199	0	14		CHUYEN 1 PAX TU RC6 SANG RC5
2	RC6	0	0	0	0	40	0		
3	RC5	0	0	0	0	40	8		
TOTAL		17	18	154	1.199	80	22		
WEIGHT KG				154	1.199	80			

GRAND TOAL: 1.433 KGS

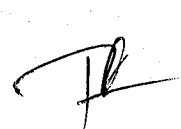
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	TO: RP3 - RP2 - PPD	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - ĐANG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	10	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
2	VALEEV IREK D.	RP3	06	1	7		81	KH-THAC	Russian
3	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	04-05	2	10		60	KHI	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	09	1	6	60	65	KHI	Vietnamese
5	HA VĂN THUY	RP3	02	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KÝ	RP3	01	1	3		66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CÚ	RP3	14	1	7		60	KHI	Vietnamese
8	VÔ ĐON LONG	RP3	07	1	8		71	KHI	Vietnamese
9	HOANG VĂN HAI	RP3	15	1	10		65	KHI	Vietnamese
10	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	03	1	5		64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	08	1	4		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN BA TRIẾT	RP3	12-13	2	16		63	KHI	Vietnamese
13	NGÔ QUỐC KHÁNH	RP3	11	1	6		68	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	32	1	3	80	76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	15	92	885	60	14		CHUYỂN 5 KHÁCH TỪ RP2 SANG PPD
2	RP2	0	0	0	0	40	2 + 5		
3	PPD	1	1	3	76	80	5		
TOTAL		14	16	95	961	180	21		
WEIGHT KG				95	961	180			

GRAND TOAL: 1.236 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	TO: P7 - TD3 - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hồi - XTrường - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ARUSHANOV SERGEI	P7	75	1	13	20	111	KHOAN	Russian
2	TRẦN QUỐC TUÂN	P7	81	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIẾU	P7	77-79	3	20		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P7	80	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN THIÊN	TD2	25-26	2	8		60	DMC-MI	Vietnamese
6	LÊ XUÂN PHƯƠNG	TD2	39	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	45	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ HAI SƠN	TD2	27-28	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TÀI	TD2	44	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD2	36-37	2	10		84	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	38	1	10		55	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	31-32	2	10		79	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	33	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	46	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG TUÂN NAM	TD2	34-35	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ XUÂN THĂNG	TD2	42-43	2	20		85	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THÔNG	TD2	21-22	2	19		68	SCHLUMBE	Vietnamese
18	VÔ TÂN HOÀ	TD2	23-24	2	20		72	SCHLUMBE	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG LONG	TD2	40-41	2	20		67	DVL	Vietnamese
20	HOANG MẠNH HÙNG	TD2	29	1	4		83	GETRACO	Vietnamese
21	VÔ THANH NHẬT	TD2	30	1	7		80	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	6	44	313	20	0		
2	TD3	0	0	0	0	0	2		
3	TD2	17	26	177	1.233	0	20		
TOTAL		21	32	221	1.546	20	22		
WEIGHT KG				221	1.546	20			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

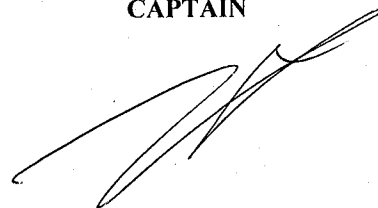
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: P4 - P7 - P8	CREW: LTuấn - VThắng - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

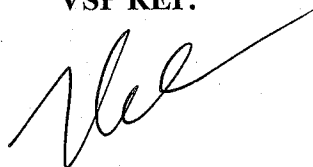
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY CHUÔNG	P4	03	1	10	3	60	KHI	Vietnamese
2	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	02	1	5	50	70	KHI	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC DỤC	P7	36	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM QUANG NGŨ	P7	39	1	6		91	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY LINH	P7	32	1	10		92	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P7	34	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HUY	P7	35	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	P7	33	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
9	LƯU ĐÌNH MINH	P7	37-38	2	20		74	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN KHUU	P7	31	1	13		61	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ ĐỨC HÙNG	P7	30	1	12		98	T-TIN	Vietnamese
12	PHAN THANH SƠN	P7	69	1	9	25	78	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

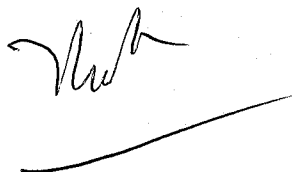
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	15	130	53	93		CHUYEN 3 PAX P4-P7
2	P7	10	11	99	765	25	10		
3	P8	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		12	13	114	895	78	22		
WEIGHT KG				114	895	78			

GRAND TOAL: 1.087 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: GTC1 - P10 - TD2	CREW: ĐỨC - VTHU - ĐANG	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM PHI HÙNG	GTC1	45	1	8		73	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HÀ	GTC1	35-36	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN VƯỢNG	GTC1	44	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN HÙNG	GTC1	37	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
5	LÂM QUANG QUY	GTC1	33-34	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ QUANG HIỆU	GTC1	41	1	17		103	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN KHÁC THO	GTC1	39-40	2	20	40	64	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ HUY	GTC1	48-49	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HẢO	GTC1	43	1	14		81	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒ QUANG	GTC1	42	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
11	HÀ VĂN TRƯỜNG	GTC1	38	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM MINH TOÀN	P10	26	1	6		58	YTE	Vietnamese
13	BADIKOV M.F	P10	25	1	10		80	KH-THAC	Russian
14	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10	22-23	2	14	20	73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH EM	TD2	71	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
17	BUI SĨ CUƠNG	TD2	72	1	7		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

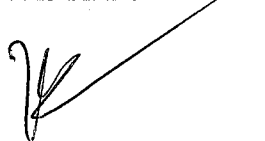
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	11	15	141	783	40	2		CHUYEN 3 PAX P10-TD2
2	P10	4	5	35	276	20	9 + 3		
3	TD2	2	2	12	131	0	11		
TOTAL		17	22	188	1.190	60	22		
WEIGHT KG				188	1.190	60			

GRAND TOAL: 1.438 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	TO: PVD1 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - QTrưởng	ETA: 13:30
HONG - 3			

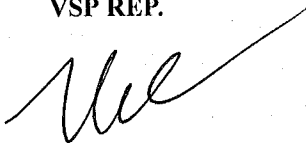
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BIÊN	PVD1	59-60	2	12		71	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN TẤT TÂM	PVD1	52	1	3		58	PSV	Vietnamese
3	TRẦN CHÍNH CUÔNG	PVD1	54	1	11		75	PSV	Vietnamese
4	TRẦN ANH TUÂN	PVD1	53	1	8		74	DVL	Vietnamese
5	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	PVD1	55-56	2	19		81	DVL	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRUNG	PVD1	58	1	16		77	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HOÀN	PVD1	57	1	13	20	80	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	35	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG HIẾU	RP1	37	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1				10	76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LẠ	RP1	36	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	33-34	2	8	40	86	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP3	39-41	3	17		64	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	7	9	82	516	20	10		
2	RP1	5	5	30	362	50	3		
3	RP3	1	3	17	64	0	9		
TOTAL		13	17	129	942	70	22		
WEIGHT KG				129	942	70			

GRAND TOAL: 1.141 KGS

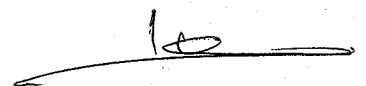
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/01/2022	TO: RC4 - RC3 - MRM	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HÙNG - NPhú - HIẾU	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUANG TUYỀN	RC4	14-15	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LUÔNG ANH VŨ	RC4	16	1	10	40	68	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	RC4	17	1	10	25	76	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DŨNG	RC3	19	1	15		88	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG NGỌC LAN	RC3	21-22	2	10	20	81	KH-THAC	Vietnamese
6	YAROTCKIY ALEKSANDR	MRM	37-38	2	18		88	AMNGR	Russian
7	BEKESHEV TROLBEK	MRM	40	1	5		73	AMNGR	Russian
8	SUSTAVOV V.S	MRM	42	1	10		108	VSP	Russian
9	KIRICHENKO K.P	MRM	41	1	10		80	KHOAN	Russian
10	MAI ĐẠI HAI	MRM	39	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
11	VĂN ĐÌNH QUANG	MRM	43-45	3	20		63	KHOAN	Vietnamese
12	BUI MẠNH PHÚC	MRM	49	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN QUANG	MRM	35	1	11		85	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN NGỌC TIẾN	MRM	51	1	11		60	DVL	Vietnamese
15	DƯƠNG MINH VIỆT	MRM	52-53	2	15		63	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HOÀNG SƠN	MRM	36	1	15		73	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	MRM	46-47	2	20		58	SCHLUMBE	Vietnamese
18	VU ANH HIEU	MRM	48-49	2	20		58	SCHLUMBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

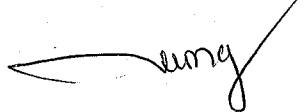
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	3	4	33	212	65	2		
2	RC3	2	3	25	169	20	0		
3	MRM	13	19	170	952	0	13		
TOTAL		18	26	228	1.333	85	15		
WEIGHT KG				228	1.333	85			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+CLO+TD1	7:25	3+8+11	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 1 CLO+TD1
2		RP2+TTC2+TD1	7:25	1+0+14	0+0+0		5+0+17	0+0+0	chuyen 3 RP2-TTC2
3		CLO+TD5+BK9	7:25	19+1+2	0+0+0		17+3+2	0+0+0	
4		T.UNG	7:30	16	0		17	0	
5		P2+BK14+CTK3	9:25	14+2+4	0+0+0		13+2+5	0+0+0	CHUYEN 1BK14-CTK3
6		BK10+P6+CLO	9:25	7+6+7	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
7		AMD+P3+P2	9:25	5+2+14	0+0+0		4+1+16	0+0+0	
8		BK4+P1+TD1	11:25	4+1+13	0+0+0		4+1+17	0+0+0	chuyen 2 bk4-P1
9		HST+BK3+RP3	11:25	3+3+6	0+0+0		0+7+13	0+0+0	chuyen 5 BK3-RP3

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 người đi bk4 chuyển sang P1 chuyển cuối



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	TO: BK4 - CLO - TD1	CREW: LHai - VTHU - ĐANG	ETA: 09:25
TRANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TÂN	BK4	84	1	7		78	VSP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG TUNG	BK4	85	1	3		73	VSP	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	86	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VOROBYEV SERGEY	CLO	62-63	2	4		96	KHOAN	Russian
5	VLASOV ALEKSANDR	CLO	64	1	6		99	KHOAN	Russian
6	HOÀNG VĂN TRUNG	CLO	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY NAM	CLO	65	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	69	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUY	CLO	71	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH VĂN THẮNG	CLO	67-68	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	CLO	66	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HIỆU	TD1	25	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG VĂN MINH	TD1	34	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	28	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THANH	TD1	36	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	27	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	26	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	31	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
19	MAI XUÂN TUNG	TD1	33	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	32	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
21	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	29-30	2	12		83	KHOAN	Vietnamese
22	VU MẠNH HẢI	TD1	35	1	5	15	80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	3	14	226	0	0		CHUYỂN 1 PAX CLO - TD1
2	CLO	8	10	48	618	0	5	1	
3	TD1	11	12	46	779	15	17		
TOTAL		22	25	108	1.623	15	22		
WEIGHT KG				108	1.623	15			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RP2 - TTC2 - TD1	CREW: L Tuấn - Nam - THỦ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	89	1	10	60	85	KH-THAC	Vietnamese
2	TRÌNH CAO TRỌNG	TD1	66	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
3	MAI ANH TUÂN	TD1	60	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
4	BAEV YURY	TD1	72	1	8		86	ANTOAN	Russian
5	LÊ HUY TÂN	TD1	58-59	2	18		67	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	71	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	70	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC THAI	TD1	67-68	2	13		81	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN ĐIỀN	TD1	65	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN KHÁNH	TD1	62	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM	TD1					76	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐĂNG NINH	TD1	64	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
13	HA MINH TUÂN	TD1	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	LẠI ĐỨC LAM	TD1	69	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	61	1	4		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	1	1	10	85	60	5	13	CHUYEN 3 PAX TU RP2 SANG TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD1	14	15	88	1.007	0	17		
TOTAL		15	16	98	1.092	60	22		
WEIGHT KG				98	1.092	60			

GRAND TOAL: 1.250 KGS

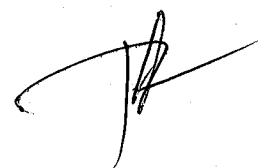
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	TO: CLO - TD5 - BK9	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Anh - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO HUY BÌNH	CLO	93	1	5	15	81	KHOAN	Vietnamese
2	CAO VĂN VIỆT	CLO	94	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	TU QUỐC VIỆT	CLO	98	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	YANCHENKO SERGEY	CLO	85	1	11		82	ANTOAN	Russian
5	LÊ VĂN PHÚ	CLO	900,15	2	13		82	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH HUNG	CLO	90	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN DUY	CLO	83	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHÓN	CLO	84	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN SANG	CLO	82	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG DUY LY	CLO	87	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CHI NGHIỆP	CLO	16	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VỊNH	CLO	95	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
13	LAM XUÂN TU	CLO	86	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ VĂN TUẤN	CLO	99	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐOÀN SỬU	CLO	96	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	NGHIEM XUAN VIỆT	CLO	97	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	91-92	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
18	QUÁCH THẾ ANH	CLO	81	1	12		69	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ QUỐC QUYNH	CLO	88-89	2	20		77	BAKER HU	Vietnamese
20	LƯU VĂN PHONG	TD5	47	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
21	LƯU VĂN SƠN	BK9	600	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC KHANH	BK9					60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

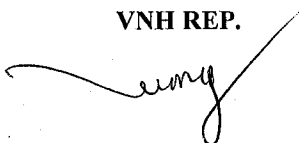
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	19	22	156	1.369	15	17		
2	TD5	1	1	3	69	0	3		
3	BK9	2	1	7	131	0	2		
TOTAL		22	24	166	1.569	15	22		
WEIGHT KG				166	1.569	15			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

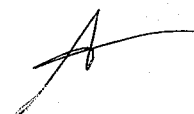
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:25
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hoài - CHIẾN	ETA: 10:40
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG QUANG	T.UNG	86,89	2	11	12	72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ CÔNG MINH HIỆU	T.UNG	84	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	97	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG VĂN THÔNG	T.UNG	85	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG	92	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUỐC TIẾN	T.UNG	93	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TẠ NGỌC THANH	T.UNG	95-96	2	19		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC ANH	T.UNG	83	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG THANH	T.UNG	94	1	7		72	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU VIỆT	T.UNG	82	1	9		70	ANTOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN DỤC	T.UNG	90-91	2	7		70	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	11	14	89	783	12	15		
	TOTAL	11	14	89	783	12	15		
	WEIGHT KG			89	783	12			

GRAND TOAL: 884 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





F: 2100 Kg (Tháng)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	TO: P2 - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTuấn - Nam - THU	ETA: 11:25
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAKHARIN SERGAY	P2	17	1	19		108	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN NGOC LUU	P2	01	1	6		75	PSV	Vietnamese
3	QUACH SY TY	P2	07	1	7		70	PSV	Vietnamese
4	TRAN VAN THUAT	P2	03	1	5	30	60	PSV	Vietnamese
5	PHAN VAN HONG	P2	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	TRAN HIEP	P2	02	1	8		73	PSV	Vietnamese
7	LE ANH VU	P2	12	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THE ANH	P2	13-14	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN THUAN	P2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY NGOC	P2	04-05	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN TRUNG	P2	09-10	2	19		77	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN KHAC CAN	P2	15	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG TRONG THAO	P2	11	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG NGOC ANH CHIEN	P2	16	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH THINH	BK14	82-83	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM NGOC NINH	BK14	84	1	5	30	76	PSV	Vietnamese
17	DAO KIM CUONG	CTK3	45	1	6	40	62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DANG TUNG	CTK3	46	1	10		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MANH TIEN	CTK3	47	1	5	50	55	PSV	Vietnamese
20	LE DAM	CTK3	44	1	3	90	65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

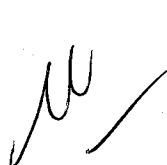
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	17	142	1.025	30	13		CHUYEN 1 PAX BK14 - CTK3
2	BK14	2	3	13	144	30	2 + 1		
3	CTK3	4	4	24	249	180	5		
TOTAL		20	24	179	1.418	240	20		
WEIGHT KG				179	1.418	240			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	TO: BK10 - P6 - CLO	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - ĐANG	ETA: 11:35
VANG-2			

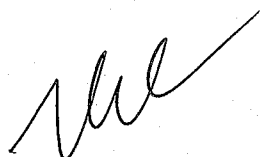
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	93	1	5	40	80	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN THUY	BK10	84-85	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	92	1	9		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRỌNG LINH	BK10	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HOANG GIANG	BK10	86	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO TUẤN VIỆT	BK10	87-88	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	90-91	2	15		75	PSV	Vietnamese
8	LẠI ANH TUẤN	P6	58-59	2	17	15	104	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN NGHI	P6	64	1	14		69	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CHÍ CÔNG	P6	63	1	10	5	52	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TRI	P6	96	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CANH HIỀN	P6	60-61	2	14		60	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LUÂN	P6	62	1	4		62	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỂU	CLO	73-74	2	20	40	68	BAKER HUC	Vietnamese
15	TRƯƠNG THAI ANH	CLO	75-76	2	18		67	BAKER HUC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUẤN	CLO	81-82	2	17		75	BAKER HUC	Vietnamese
17	LÊ TRUNG HIỂU	CLO	79-80	2	18		66	BAKER HUC	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	72	1	11		61	DVL	Vietnamese
19	PHAN VINH TRUÔNG	CLO	78	1	10		70	DVL	Vietnamese
20	LÊ HỮU LONG	CLO	77	1	4		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

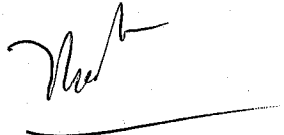
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	10	62	503	40	5		
2	P6	6	8	69	417	20	4		
3	CLO	7	11	98	463	40	13		
TOTAL		20	29	229	1.383	100	22		
WEIGHT KG				229	1.383	100			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: AMD - P3 - P2	CREW: HUNG - N.Anh - DTùng	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DINH THUAN	AMD	30-31	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TANG VAN BA	AMD	32	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU VAN DAN	AMD	35	1	10	65	64	CODIEN	Vietnamese
4	DINH MAI THIEN	AMD	33	1	12	19	72	CODIEN	Vietnamese
5	PHI DUY HOAN	AMD	37	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC BINH	P3	06	1	10	40	66	KH-THAC	Vietnamese
7	VAN MINH TAN	P3	05	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN SON TIEN	P2	12	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VO ANH NGOC	P2	13-14	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC THANG	P2	15-16	2	9		83	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO QUANG THIET	P2	11	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU PHI	P2				35	74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DO	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG CHI TUYEN	P2	20	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC TAN	P2	19	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VU THANH LONG	P2	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUU KHANH,	P2	04-05	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NG. HOANG PHUC	P2	17	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG PHUC THANG	P2	06	1	5		85	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN MINH TRUNG	P2	07-08	2	12		75	D-HANH	Vietnamese
21	HA THANH SANG	P2	09-10	2	17		70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

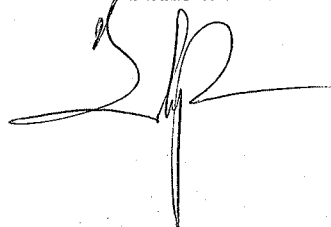
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	5	6	52	348	84	4		
2	P3	2	2	17	131	40	1		
3	P2	14	17	125	1.032	35	16		
TOTAL		21	25	194	1.511	159	21		
WEIGHT KG				194	1.511	159			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	TO: BK4 - P1 - TD1	CREW: Linh - TTrung - NNam	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4	50	1	6	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	47	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	48-49	2	9		67	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOÀNG	P1	79-80	2	10		66	NHATHAU	Vietnamese
5	ĐỖ MINH DŨNG	TD1	73	1	7	70	67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH LUÂN	TD1	74	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ VĂN HẬU	TD1	81	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	79	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN MẠNH	TD1	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐOÀN HIẾU	TD1	75-76	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ANH VINH	TD1	85	1	9		62	DVL	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGHĨA	TD1	82	1	15		90	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯ	TD1	80	1	15		69	DVL	Vietnamese
14	LƯU BÀ XÕ	TD1				28	81	DVL	Vietnamese
15	BUI HUY BANG	TD1	77	1	15		67	DVL	Vietnamese
16	TÔ CÔNG TẠNH	TD1	84	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THI	TD1	86	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

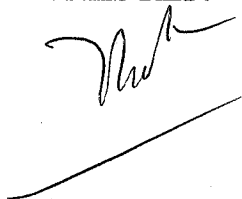
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	3	4	25	217	40	3+2		CHUYEN 2 PAX BK4-P1
2	P1	1	2	10	66	0	1		
3	TD1	13	13	107	920	98	17		
TOTAL		17	19	142	1.203	138	21		
WEIGHT KG				142	1.203	138			

GRAND TOAL: 1.483 KGS

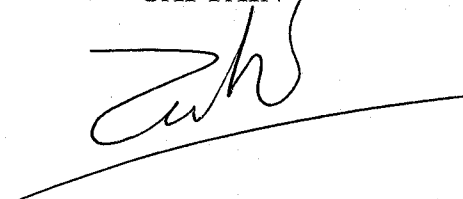
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/01/2022	TO: HST - BK3 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dương - QViệt - Toan	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN MẠNH HUNG	HST	49	1	22		63	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐANG MẠNH	HST	42,47	2	10		52	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐÌNH CHUNG	HST	24,48	2	14		87	TLJOC	Vietnamese
4	NGUYEN VĂN PHƯỚC	BK3	32	1	3	40	70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU DUY KHƯƠNG	BK3	86	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN CÔNG THANH	BK3	84-85	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN NGỌC AN	RP3	56-57	2	8		70	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ TUẤN ANH	RP3	55,73	2	12		75	CODIEN	Vietnamese
9	ĐANG QUANG LỘC	RP3	88	1	15		64	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HỮU TỬ	RP3	58-59	2	12		75	CODIEN	Vietnamese
11	VÔ TĂNG GIÁP	RP3	60	1	5		78	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ ĐÌNH TIẾN	RP3	71-72	2	10		69	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

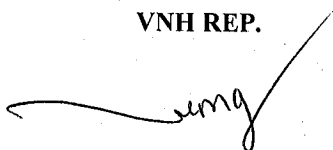
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	3	5	46	202	0	0		CHUYEN 5 PAX BK3 -RP3
2	BK3	3	4	21	215	40	7+5		
3	RP3	6	10	62	431	0	15		
TOTAL		12	19	129	848	40	22		
WEIGHT KG				129	848	40			

GRAND TOAL: 1.017 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

